

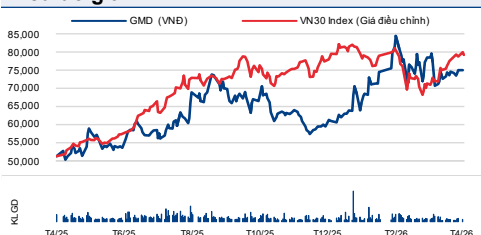
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ90,000
Tiềm năng tăng/giảm: 19.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2026)	75,300
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	50,326-84,400
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	75,150
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	31,641
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,201
Slg CP lưu hành (tr.đv)	420
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	206
Slg CP NN được mua (tr.đv)	25.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	42.9%
Tỷ lệ freefloat	88.6%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	5,946	6,847	7,486
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,770	3,558	3,996
LNTT (tỷ đồng)	2,506	2,974	3,396
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,543	1,881	2,155
FCF (tỷ đồng)	(484)	3,778	2,579
EPS ĐC (đồng)	3,565	4,347	4,979
DPS (đồng)	1,478	1,478	1,478
BVPS (đồng)	30,234	34,809	38,506
T.trưởng EBITDA (%)	24.9	28.5	12.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	11.1	20.6	14.5
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	46.6	52.0	53.4
Tỷ suất LNTT (%)	42.1	43.4	45.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	28.2	29.9	31.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	37.7	31.3	27.3
Nợ thuần/VCSH (%)	5.97	(8.40)	(19.2)
ROAE (%)	13.2	14.5	14.8
ROACE (%)	7.41	8.87	9.51
EV/doanh thu (lần)	5.46	4.64	3.98
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.7	8.93	7.46
P/E ĐC (lần)	21.1	17.3	15.1
P/B (lần)	2.49	2.16	1.96
Lợi suất cổ tức (%)	1.96	1.96	1.96

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q1/2026: Lợi nhuận thuần tăng 33% so với cùng kỳ, vượt 11% dự báo

- KQKD Q1/2026 tích cực, với lợi nhuận thuần đạt 534 tỷ đồng (tăng 33% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 1.452 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ), bằng lần lượt 26% và 21% dự báo cho cả năm 2026 của HSC.
- Lợi nhuận thuần Q1/2026 vượt 11% dự báo của chúng tôi nhờ mức lợi nhuận đóng góp từ các công ty liên kết cao hơn (tăng 37% so với cùng kỳ đạt 312 tỷ đồng, chiếm 43% LNTT) và do Gemalink dẫn dắt (tăng 46% so với cùng kỳ đạt 233 tỷ đồng).
- Dự án Gemalink giai đoạn 2 với công suất 1 triệu TEU/năm đã khởi công vào ngày 17/4 và đang triển khai đúng tiến độ để hoàn thành vào Q4/2027.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 90.000đ (tiềm năng tăng giá 20%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026

Lợi nhuận thuần Q1/2026 tăng mạnh 33% so với cùng kỳ đạt 534 tỷ đồng, vượt 11% dự báo của HSC trong khi doanh thu thuần tăng 14% so với cùng kỳ đạt 1.452 tỷ đồng, sát dự báo.

Doanh thu thuần: tăng 14% so với cùng kỳ

Doanh thu thuần Q1/2026 tăng 14% so với cùng kỳ đạt 1.452 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ mảng cảng tăng 13% đạt 1.283 tỷ đồng (chiếm 88% tổng doanh thu thuần), trong khi doanh thu từ mảng logistics và các mảng khác tăng 22% đạt 170 tỷ đồng (chiếm 12% tổng doanh thu thuần).

Đối với mảng cảng trong Q1/2026, sản lượng tại cảng sông Nam Đình Vũ ở miền Bắc giảm 8% so với cùng kỳ xuống 327.423 TEU. Tuy nhiên, sản lượng tại các cảng cạn Bình Dương và Phước Long ở miền Nam tăng 10% so với cùng kỳ đạt 377.000 TEU và sản lượng tại cảng Dung Quất ở miền Trung (tiếp nhận xử lý hàng rời) tăng 31% đạt 695.749 tấn. Tuy nhiên, HSC kỳ vọng giá dịch vụ bình quân tại các cảng này cải thiện trong Q1/2026. Lưu ý rằng cảng Nam Đình Vũ đã áp dụng phụ phí nhiên liệu từ cuối tháng 3/2026 khi giá dầu diesel vượt 23.000đ/lít nhằm bù đắp mức tăng của giá nhiên liệu.

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm nhẹ và chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng nhưng được bù đắp nhờ lợi nhuận tài chính cao hơn

Tỷ suất lợi nhuận gộp trong Q1/2026 giảm nhẹ so với cùng kỳ xuống mức 43,8% (từ 44% trong Q1/2025), trong khi chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng lên mức 17,2% (từ 16,6% trong Q1/2025).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, GMD

Lợi nhuận thuần Q1/26 tăng 33% so với cùng kỳ lên 534 tỷ đồng

VNDbn	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	Dự báo 2026 - HSC	% hoàn thành dự báo
Doanh thu thuần	1,277	1,452	13.7%	6,847	21.2%
Lợi nhuận gộp	562	636	13.3%		
Lợi nhuận tài chính	1	18	2826.3%		
Lợi nhuận từ LD, LK	227	312	37.2%	1,346	23.1%
Chi phí BH&QL	(212)	(250)	17.9%		
LNTT	583	716	22.9%	2,974	
Lợi nhuận thuần	403	534	32.6%	2,045	26.1%
TS LN gộp	44.0%	43.8%			
Chi phí BH&QL/DT	-16.6%	-17.2%			
TS LNTT	45.7%	49.3%			
TS LN thuần	31.6%	36.8%			

Nguồn: GMD, HSC

Bù lại các yếu tố kém tích cực này, lợi nhuận tài chính trong Q1/2026 tăng 28 lần so với cùng kỳ đạt 18 tỷ đồng (dù vẫn ở mức tương đối nhỏ), được hỗ trợ nhờ thu nhập lãi tăng 1,4 lần so với cùng kỳ đạt 59 tỷ đồng. GMD duy trì trạng thái tiền mặt thuần cao ở mức 2,3 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q1/2026 và do đó có thể hưởng lợi khi mặt bằng lãi suất tăng.

Lợi nhuận từ các công ty liên kết tăng 37% so với cùng kỳ

Trong Q1/2026, lợi nhuận từ các công ty liên kết tăng 37% so với cùng kỳ đạt 31 tỷ đồng, chiếm 43% LNTT của GMD trong kỳ. Trong đó, lợi nhuận từ Gemalink (được ghi nhận là lợi nhuận từ công ty liên kết của GMD theo điều lệ của Gemalink, mặc dù GMD nắm giữ 65% cổ phần) tăng mạnh 46% so với cùng kỳ đạt 233 tỷ đồng, chiếm 75% tổng lợi nhuận từ công ty liên kết, trong khi lợi nhuận từ công ty dịch vụ hàng hóa hàng không SCS (GMD sở hữu 36,2% cổ phần; Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 57.000đ) tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ đạt 63 tỷ đồng (chiếm 20% tổng lợi nhuận từ công ty liên kết).

Trong Q1/2026, GML tiếp nhận xử lý 526.000 TEU hàng hóa (tăng 20% so với cùng kỳ) trong khi giá dịch vụ xếp dỡ đã tăng 10% kể từ ngày 1/2 sau khi Bộ Xây dựng phê duyệt mức tăng 10% giá sàn dịch vụ xếp dỡ đối với các cảng nước sâu, có hiệu lực từ thời điểm này. Nhờ đó, tỷ suất lợi nhuận của GML được cải thiện đáng kể.

Giai đoạn 2 của GML đã khởi công vào ngày 17/4

Dự án Gemalink giai đoạn 2 (công suất 1 triệu TEU/năm và tổng vốn đầu tư 200 triệu USD) đã khởi công vào ngày 17/4 và dự kiến hoàn thành vào Q4/2027. Sau khi hoàn thành, tổng công suất của GML (cả hai giai đoạn) sẽ tăng lên gần 3 triệu TEU/năm. Nếu tiến độ dự án được đảm bảo, Gemalink sẽ là cảng đầu tiên tại khu vực Cái Mép-Thị Vải bổ sung công suất mới, qua đó có vị thế thuận lợi để hưởng lợi từ tình trạng thiếu hụt công suất hiện tại trong khu vực.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu tăng 11% trong 3 tháng qua, GMD đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,8 lần, thấp hơn so với bình quân từ năm 2023 ở mức 19,6 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 90.000đ (tiềm năng tăng giá 20%) đồng thời giữ nguyên dự báo với lợi nhuận thuần tăng trưởng 22% cho năm 2026 (đạt 2.045 tỷ đồng) và 15% cho năm 2027 (đạt 2.342 tỷ đồng).

Chúng tôi ưa thích GMD nhờ vị thế là doanh nghiệp khai thác cảng hàng đầu tại Việt Nam với triển vọng tăng trưởng tích cực được đảm bảo nhờ danh mục dự án mở rộng.

Bảng 2: Sản lượng hàng hóa qua cảng Q1/2026, GMD

Sản lượng hàng hóa qua cảng container Q1/26 tăng 8% so với cùng kỳ lên 1.230.683 TEU, dẫn đầu bởi GML

	Đơn vị	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ
Phía Bắc	TEUs	356,946	327,423	-8.3%
Nam Đình Vũ		356,946	327,423	-8.3%
Phía Bắc	TEUs	782,000	903,260	15.5%
Gemalink		439,700	526,000	19.6%
Bình Dương & Phước Long		342,300	377,260	10.2%
Miền Trung	Tấn	532,000	695,749	30.8%
Tổng sản lượng container	TEUs	1,137,000	1,230,683	8.2%

Nguồn: GMD

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	4,832	5,946	6,847	7,486	8,158
Lợi nhuận gộp	2,162	2,715	3,005	3,298	3,625
Chi phí BH&QL	(816)	(1,088)	(1,164)	(1,273)	(1,387)
Thu nhập khác	(611)	(438)	(205)	(74.9)	(81.6)
Chi phí khác	262	44.6	34.2	37.4	40.8
EBIT	996	1,234	1,669	1,988	2,197
Lãi vay thuần	267	116	(41.3)	(26.2)	70.8
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	816	1,156	1,346	1,434	1,731
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	2,080	2,506	2,974	3,396	3,999
Chi phí thuế TNDN	(174)	(282)	(261)	(318)	(367)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(446)	(547)	(668)	(735)	(787)
LNST không thường xuyên	(92.0)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,459	1,677	2,045	2,342	2,845
Lợi nhuận thuần ĐC	1,251	1,543	1,881	2,155	2,618
EBITDA ĐC	2,218	2,770	3,558	3,996	4,522
EPS (đồng)	3,525	3,917	4,724	5,411	6,574
EPS ĐC (đồng)	3,021	3,565	4,347	4,979	6,048
DPS (đồng)	2,216	1,478	1,478	1,478	1,971
Slg CP bình quân (triệu đv)	414	428	433	433	433
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	414	433	433	433	433
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	414	433	433	433	433

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	3,964	1,618	4,633	6,238	7,981
Đầu tư ngắn hạn	1,021	2,657	1,404	1,538	1,679
Phải thu khách hàng	1,235	1,396	1,770	1,939	2,118
Hàng tồn kho	83.4	86.5	118	129	141
Các tài sản ngắn hạn khác	372	353	407	445	485
Tổng tài sản ngắn hạn	6,676	6,110	8,332	10,289	12,403
TSCĐ hữu hình	3,786	5,384	4,864	4,309	3,735
TSCĐ vô hình	247	245	230	221	211
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,766	1,350	1,457	1,471	1,485
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,792	4,827	5,919	5,919	5,919
Tài sản dài hạn khác	1,719	1,860	2,417	2,643	2,882
Tổng tài sản dài hạn	11,310	13,667	14,887	14,562	14,231
Tổng cộng tài sản	17,986	19,777	23,219	24,852	26,634
Nợ ngắn hạn	422	308	598	654	712
Phải trả người bán	462	566	654	715	779
Nợ ngắn hạn khác	1,146	1,307	1,631	1,783	1,943
Tổng nợ ngắn hạn	2,107	2,350	2,993	3,272	3,566
Nợ dài hạn	1,745	2,082	2,759	2,369	1,831
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	380	485	538	588	641
Tổng nợ dài hạn	2,125	2,567	3,297	2,957	2,472
Tổng nợ phải trả	4,232	4,917	6,290	6,229	6,038
Vốn chủ sở hữu	12,386	13,085	15,065	16,666	18,541
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,368	1,775	1,864	1,957	2,055
Tổng vốn chủ sở hữu	13,753	14,860	16,929	18,622	20,596
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,986	19,777	23,219	24,852	26,634
BVPS (đ)	29,919	30,234	34,809	38,506	42,839
Nợ thuần/(tiền mặt)	(1,797)	771	(1,276)	(3,216)	(5,438)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	996	1,234	1,669	1,988	2,197
Khấu hao	(406)	(379)	(542)	(574)	(594)
Lãi vay thuần	267	116	(41.3)	(26.2)	70.8
Thuế TNDN đã nộp	(242)	(329)	(317)	(383)	(442)
Thay đổi vốn lưu động	(5.03)	(1,900)	227	(667)	(659)
Khác	(681)	(5.70)	102	22.4	23.6
LCT thuần từ HKKD	1,647	1,492	3,785	2,589	3,085
Đầu tư TS dài hạn	(1,598)	(1,976)	(6.38)	(10.1)	(10.4)
Góp vốn & đầu tư	(1,224)	(874)	(1,091)	0	0
Thanh lý	382	0	0	0	0
Khác	944	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(1,497)	(2,827)	(1,098)	(10.1)	(10.4)
Cổ tức trả cho CSH	(917)	(640)	(640)	(640)	(853)
Thu từ phát hành CP	3,059	125	0	0	0
Tăng/giảm nợ	220	222	968	(334)	(479)
Khác	(24.9)	(723)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,337	(1,016)	328	(974)	(1,332)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,474	3,964	1,618	4,633	6,238
LCT thuần trong kỳ	2,487	(2,351)	3,015	1,605	1,743
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.15	5.00	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	3,964	1,618	4,633	6,238	7,981
Dòng tiền tự do	48.3	(484)	3,778	2,579	3,075

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	44.7	45.7	43.9	44.1	44.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	46.6	52.0	53.4	55.4
Tỷ suất LNT (%)	30.2	28.2	29.9	31.3	34.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	8.39	11.2	8.78	9.38	9.17
Tăng trưởng doanh thu (%)	25.6	23.0	15.2	9.32	8.98
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	25.5	24.9	28.5	12.3	13.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(42.0)	23.3	21.9	14.5	21.5
Tăng trưởng EPS (%)	(51.9)	11.1	20.6	14.5	21.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(57.6)	18.0	21.9	14.5	21.5
Tăng trưởng DPS (%)	(13.1)	(33.3)	0	0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	62.8	37.7	31.3	27.3	30.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.9	13.2	14.5	14.8	16.2
ROACE (%)	7.25	7.41	8.87	9.51	9.84
Vòng quay tài sản (lần)	0.31	0.31	0.32	0.31	0.32
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.65	1.21	2.27	1.30	1.40
Số ngày tồn kho	11.4	9.77	11.2	11.3	11.3
Số ngày phải thu	169	158	168	169	171
Số ngày phải trả	63.1	63.9	62.1	62.3	62.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(14.4)	5.97	(8.40)	(19.2)	(29.3)
Nợ/tài sản (%)	12.1	12.1	14.5	12.2	9.60
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	40.4	75.8	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.55	1.49	1.52	1.18	0.92
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.17	2.60	2.78	3.14	3.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.15	5.46	4.64	3.98	3.37
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.4	11.7	8.93	7.46	6.09
P/E (lần)	21.4	19.2	15.9	13.9	11.5
P/E ĐC (lần)	24.9	21.1	17.3	15.1	12.4
P/B (lần)	2.52	2.49	2.16	1.96	1.76
Lợi suất cổ tức (%)	2.94	1.96	1.96	1.96	2.62

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn